

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12-01-2024
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI XUÂN, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trung Thông.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Bình và bà Hồ Hồng Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Bích - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

Vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 12 tháng 01 năm 2024 tại Hội trường xét xử I Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2023/TLST-HNGĐ ngày 09/11/2023 về việc “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXX-ST ngày 11 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị L; Sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn Kh; Sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phan Thị L trình bày: Tôi và anh Kh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/8/2003 tại UBND xã C, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 10/2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do thường xuyên đánh đập ngược đãi. Đến tháng 10/2023 hai vợ chồng sống ly thân, tôi về nhà mẹ đẻ sống từ thời điểm đó đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài sẽ không thể hạnh phúc được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn anh Kh. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là cháu Trần Văn C sinh ngày 10/11/2004; Trần Thị Thu Tr, sinh ngày 08/11/2005 và Trần Thị Trà Gi, sinh ngày 21/9/2014. Các cháu Trần Văn C và Trần Thị Thu Tr hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Trần Thị Trà Gi hiện đang ở với bố, cháu có nguyện vọng được ở với bố tôi nhất trí để cháu ở với bố và tôi sẽ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng. Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn Kh trong Bản tự khai và Biên bản hòa giải ngày 29/11/2023 và tại phiên tòa đã trình bày: Vợ chồng đến với nhau là tự nguyện,

không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn như chị L trình bày là đúng. Vợ chồng cũng đã ly thân từ tháng 10/2023 đến nay. Anh Kh thừa nhận trong lúc nóng giận anh có ném điện thoại vào mặt và đánh chị như chị L trình bày và gửi hình ảnh cho Tòa án là đúng. Nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với chị L; vì vậy anh đề nghị vợ chồng về đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung đúng như chị L trình bày. Các cháu Trần Văn C và Trần Thị Thu Tr hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Trần Thị Trà Gi nếu ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi cháu đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con tôi nhất trí chị L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Trần Thị Trà Gi có đơn nguyện vọng và tại phiên tòa xin được ở với bố là anh Trần Văn Kh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn cư trú tại xã C, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị L và anh Trần Văn Kh kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cổ Đàm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị L khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng do anh Kh thường xuyên đánh đập ngược đãi và cung cấp bản ảnh cũng như hóa đơn thuốc điều trị của Trạm y tế xã C. Anh Kh khẳng định vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2023 cho đến nay và trong lúc nóng giận anh có ném điện thoại vào mặt và đánh vợ như chị L trình bày và gửi hình ảnh cho Tòa án là đúng nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị L và không nhất trí ly hôn. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa mặc dù đã được Thẩm phán, HĐXX giải thích về ý nghĩa của việc trở về đoàn tụ nhưng chị L kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn để không ảnh hưởng đến tính mạng sức khỏe của chị. Như vậy có thể khẳng định việc anh Kh đánh đập chị L là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, quan hệ tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không thể đạt được vì vậy căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Phan Thị L được ly hôn anh Trần Văn Kh.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Trần Văn C sinh ngày 10/11/2004; Trần Thị Thu Tr, sinh ngày 08/11/2005 và Trần Thị Trà Gi, sinh ngày 21/9/2014. Các cháu Trần Văn C và Trần Thị Thu Tr hiện đã trưởng thành, các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Đối với cháu Trần Thị Trà Gi: Nguyện vọng của cháu được ở với bố là anh Trần Văn Kh. Chị L, anh Kh thống nhất việc nuôi con khi ly hôn trên cơ sở nguyện

vọng của con. Xét thấy việc thống nhất của các đương sự không trái pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chị L, anh Kh nhất trí chị L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng; đây là sự tự nguyện của đương sự không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên HĐXX chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Phan Thị L là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình nên phải nộp án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Phan Thị L là người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ phải nộp án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 2 Điều 81; khoản 1, 2, 3 Điều 82; Điều 83; 84, 107, 110, 116, 117, 118, 119 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a Khoản 5, điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị L được ly hôn anh Trần Văn Kh.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Thị Trà Gi - sinh ngày 21/9/2014 cho anh Trần Văn Kh trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Phan Thị L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng tính từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh Trần Văn Kh có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Phan Thị L không chịu đóng tiền cấp dưỡng nuôi con như trên hoặc đóng không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí: Chị Phan Thị L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng định kỳ theo quyết định của Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền tạm

ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số 0011963 ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Chị L phải nộp tiếp số tiền án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Nghi Xuân;
- Chi cục THADS huyện Nghi Xuân;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu Hồ sơ; VP-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Trung Thông

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

